

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/DS-PT
Ngày: 19-3-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu; bà Phan Thị Mai Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm, Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 25/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã TB, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Ngọc D, sinh năm 1971, cư trú tại: Khu phố TL, phường GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964, cư trú tại: khu phố LTr, phường GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1962, cư trú tại: khu phố LTr, phường GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th, ông Lê Văn Tr trước: Anh Phạm Quốc S, sinh năm 1981, cư trú tại: phường BTrĐA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 31-12-2021 và Hợp đồng ủy quyền ngày 04-01-2021.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Ngọc D trình bày:*

Vào ngày 05-8-2019, bà Nguyễn Thị Th vay của bà 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, có ghi “Giấy mượn tiền”, bà Th ký tên, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng nhưng không ghi vào giấy nợ.

Đến hạn không trả, bà đòi nhưng bà Th hứa hẹn nhiều lần vẫn không trả.

Bà khởi kiện bà Th yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi, tính theo lãi suất pháp luật quy định.

Khi vay bà Th có nói là vay để trả nợ Ngân hàng, làm ăn lo cho gia đình nên yêu cầu chồng bà Th là ông Lê Văn Tr cùng liên đới trả.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Th do ông Phạm H là người đại diện theo ủy quyền trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trình bày:*

Bà Th có vay tiền của bà D nhưng không phải vay một lần vào ngày 05-8-2019 mà là vay trả góp nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Ngày 02-02-2018, vay 5.000.000 đồng, tính thành 6.000.000 đồng để trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, đã góp được 29 ngày nên còn nợ 200.000 đồng.

+ Ngày 07-3-2018, vay 5.000.000 đồng, trả góp như trên, đã góp được 15 ngày nên còn nợ 3.000.000 đồng.

+ Trong tháng 3-2018, không nhớ ngày, bà Th vay 4.000.000 đồng, cộng với 3.000.000 đồng nợ vay ngày 07-3-2018 nêu trên thành 7.000.000 đồng, tính lãi 20% tháng nên gốc và lãi thành 28.000.000 đồng, không biết lãi của bao nhiêu ngày. Đến ngày 08-6-2019 tính thêm tiền lãi cộng vào nên khoản nợ này trở thành 40.600.000 đồng, bà D có ghi sổ.

+ Ngày 11-6-2019, vay 5.000.000 đồng, phải trả góp thành 6.000.000 đồng, bà Th không trả được nên nợ 6.000.000 đồng.

+ Ngày 28-6-2019, vay 6.000.000 đồng, tính lãi trả góp thành 20%/tháng.

Ngày 28-7-2019 hai bên thống nhất chốt nợ các khoản thành 87.600.000 đồng nhưng không làm giấy nợ. Sau đó bà Th tiếp tục trả nhiều lần với số tiền 40.400.000 đồng nên chỉ còn nợ 47.200.000 đồng.

“Giấy mượn tiền” ghi ngày 05-8-2019 số tiền vay 100.000.000 đồng là không đúng, thực chất chỉ còn nợ 47.200.000 đồng, sau khi ký tên vào giấy mượn tiền bà Th đã phát hiện ra nhưng không phản đối.

Như vậy bà Th chỉ còn nợ 47.200.000 đồng, chấp nhận trả và không chấp nhận trả tiền lãi.

Mục đích vay là để làm vốn mua bán ve chai, lo cho cuộc sống gia đình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Tr trình bày:

Ông là chồng bà Th, trong cuộc sống hàng ngày ông đi làm thuê, bà Th mua bán ve chai, cùng lo cho cuộc sống gia đình, thu nhập ổn định, không nghe nói gì về việc bà Th vay tiền của bà D, ông không sử dụng tiền vay nên không chấp nhận liên đới trả.

- Bản án Dân sự sơ thẩm số: 25/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã TB, tỉnh Tây Ninh xét xử:

Căn cứ các Điều: 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà Th, ông Tr liên đới trả cho bà D 100.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi tính theo lãi suất 20%/năm, kể từ ngày phải bắt đầu trả lãi theo thỏa thuận là ngày 05-9-2019, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18-9-2020, với số tiền là 20.721.900 đồng.

Vào ngày 04-01-2021, ông Tr kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm chưa xem xét toàn diện các chứng cứ và các tình tiết khách quan của vụ án, không chấp nhận liên đới trả nợ, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tr là anh Phạm Quốc S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Tr, cung cấp một hợp đồng tín dụng mà bà Th, ông Tr vay vốn Ngân hàng và cho rằng nếu là nợ chung của vợ chồng thì khi vay phải có cả vợ và chồng ký tên vào giấy nợ như là hợp đồng vay vốn Ngân hàng.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của ông Lê Văn Tr, thấy rằng:

[1] Bà Phạm Ngọc D là nguyên đơn, không kháng cáo, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà D.

[2] Xét về số tiền vay và tiền lãi Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà Nguyễn Thị Th, ông Lê Văn Tr liên đới trả cho bà D, thấy rằng:

Bà Th thừa nhận có ký tên vay tiền của bà D theo “Giấy mượn tiền” ghi ngày 05-8-2019 với số tiền vay 100.000.000 đồng. Bà Th cho rằng tiền vay không phải 100.000.000 đồng ghi trong giấy mượn tiền và không phải vay một lần mà là vay trả góp nhiều lần theo lãi suất 20%/ tháng, sau khi trừ tiền vay gốc và tiền lãi đã trả chỉ còn nợ 47.200.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh, bà D không thừa nhận.

Chứng cứ duy nhất bà Th cung cấp cho Tòa án là các giấy tính tiền nhưng nội dung chỉ là những con số, không rõ tính tiền gì, khoản vay nào, của ai đối với ai nên không đủ căn cứ để xác định đó là giấy bà Th trả lãi vay cho bà D.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện chứng cứ, và đánh giá chứng cứ trên cơ sở khách quan. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh là của đương sự, đương sự cung cấp không đầy đủ chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ông Tr kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D là không có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của ông Tr về việc không chấp nhận liên đới cùng bà Th trả nợ vay cho bà D, thấy rằng:

Bà Th xác định vay tiền để làm vốn mua bán ve chai, ông Tr đã khai tại bút lục số 46 là “...trong cuộc sống hàng ngày ông đi làm thuê, bà Th mua bán ve chai, cùng lo cho cuộc sống gia đình”.

Như vậy số tiền vay là để làm ăn, tạo thu nhập, phục vụ cho nhu thiết yếu của gia đình. Tuy ông Tr không ký tên vào giấy nợ nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ chung đối với nghĩa vụ do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Tr liên đới trả nợ là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh S cung cấp Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng đối với ông Tr, bà Th và cho rằng nếu là nợ chung của vợ chồng thì phải có cả

vợ và chồng cùng ký tên như hợp đồng tín dụng là không có căn cứ vì hợp đồng tín dụng và hợp đồng vay tài sản thông thường giữa cá nhân và cá nhân là khác nhau.

Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông Tr kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Bản án sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án là kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án là không đúng theo hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nhưng không phải là số liệu cụ thể nên không cần phải sửa bản án sơ thẩm mà Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng.

[5] Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Tr không được Tòa án chấp nhận nên ông Tr trước phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều: 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Tr.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 25/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã TB, tỉnh Tây Ninh:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc D đối với bà Nguyễn Thị Th.

- Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Văn Tr phải liên đới trả cho bà Phạm Ngọc D số tiền vay gốc 100.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” ghi ngày 05-8-2019 và 20.721.900 đồng tiền lãi, tổng cộng là 120.721.900 (một trăm hai chục triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn chín trăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Th, ông Trước chưa trả đủ số tiền nêu trên cho bà D thì hàng tháng bà Th, ông Trước còn phải trả cho bà D tiền lãi do chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Th, ông Lê Văn Tr phải chịu 6.036.100 (sáu triệu không trăm ba mươi sáu nghìn một trăm) đồng.

+ Hoàn trả cho bà Phạm Ngọc D 2.707.500 (hai triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là theo Biên lai thu số: 0017814 ngày 25 tháng 12 năm 2019, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn Tr phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Tr đã nộp theo Biên lai thu số: 0015059 ngày 12 tháng 01 năm 2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TTN;
- TAND thị xã TB;
- Chi cục THADS thị xã TB ;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Đồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Đồng